TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY ĐỨC** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **56**/2023/HS-ST
Ngày: 26 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phiếm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Kim Loan và bà Võ Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

Võ Ngọc T *(tên gọi khác: D),* sinh năm 2002, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn L, thị trấn E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Ngọc N, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Hồng T4, sinh năm 1980; chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 06/4/2021, bị TAND huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm về tội "*Trộm cắp tài sản*", theo bản án số 12/2021/HS-ST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/9/2023 sau đó chuyển tạm giam đến nay - có mặt.

Nguyễn Văn T1 *(tên gọi khác: Đ),* sinh năm 2003, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn L, thị trấn E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1977 và bà Phạm Thị S, sinh năm 1984; chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 06/4/2021, bị TAND huyện Ea H'Leo tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm về tội "*Trộm cắp tài sản*", theo bản án số 12/2021/HS-ST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/9/2023 sau đó chuyển tạm giam đến nay - có mặt.

Bị hại: Anh Ma Văn K, sinh năm 2004; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 10, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lê Thị Hoài T2, sinh năm 2000; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông;

- Bà Trang Thị H, sinh năm 1966; vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn L, thị trấn E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk;

- Anh Phạm V, sinh năm 1986; vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn L, thị trấn E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 21/9/2023, Nguyễn Văn T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Rai Der R150, biển kiểm soát 47D1-569.42 chở Võ Ngọc T đi từ thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quốc lộ 14 về nhà. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi đến địa phận huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; T1 và T gặp anh Ma Văn K, sinh năm 2004, trú tại: thôn 10, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk đi xe mô tô biển kiểm soát 47G1-268.37 cùng chiều nên tiếp cận làm quen. Sau đó, cả ba cùng ghé vào một quán cơm ở xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức để ăn trưa. Lúc này, T nói nhỏ với T1 là : "*Tao đang không có tiền mà thích xe Raider này quá, mày tìm cách giúp tao lấy xe của thằng này*" T1 đồng ý. Cả hai thống nhất T1 sẽ đi gửi ba lô tại nhà người quen, sau đó rủ K đi chơi. Trong thời gian đi chơi, T1 sẽ chạy xe một mình lấy cớ đi lấy ba lô, để T ngồi với K. Sau đó, T1 gọi điện thoại cho T thông báo xe bị hết xăng, nhờ T mượn xe của K đi mua xăng rồi chiếm đoạt. Sau khi ăn cơm xong, T1 mang ba lô đến gửi tại nhà chị Lê Thị Hoài T2 sinh năm 2000, thuộc thôn 4, xã Q, huyện T rồi T1 và T rủ K đi chơi ở thác 72 nhưng khi đến nơi do giá vé cao nên cả ba quay lại uống nước tại quán nước thuộc địa phận thôn 1, xã Quảng Tâm. Trên đường đi từ Thác 72 ra quán nước, T1 và T thống nhất khi uống nước T1 sẽ lấy cớ đi đón người yêu, để T ngồi với K. Sau đó, T1 gọi điện báo xe hết xăng để T mượn xe của K đi mua xăng rồi chiếm đoạt. Khi về đến quán nước, T1 và T thực hiện theo kế hoạch đã bàn bạc trước đó, T1 điều khiển xe môtô của mình chạy ra hướng xã Quảng Tân rồi sử dụng tài khoản Facebook gọi điện qua ứng dụng Messenger cho T bảo xe hết xăng, T mượn xe của K đi mua xăng cho T1, K đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Rai Der R150, biển kiểm soát 47G1-268.37 đến xã Quảng Tân gặp T1 rồi cả hai điều khiển 02 xe về huyện EH và mang cất giấu tại nhà bà Trang Thị H, sinh năm 1966 (là bà ngoại của T1) thuộc địa phận Buôn L, thị trấn E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk. Anh K không thấy T mang xe quay lại trả nên đã trình báo Công an xã Quảng Tâm và Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức. Ngày 22/9/2023, T1 và T bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức phát hiện, thu giữ cùng tang vật.

Vật chứng đã thu giữ gồm:

- 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Suzuki Rai Der R150, màu đen, biển kiểm soát: 47G1-268.37; 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Suzuki Rai Der R150, biển kiểm soát 47D1-569.42;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 21 ngày 26/9/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Tuy Đức kết luận: trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki,

số loại Raider R150, màu đen, biển kiểm soát: 47G1-268.37 tại thời điểm ngày 21/9/2023 là 16.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 56/CT-VKS ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đã truy tố bị cáo Võ Ngọc T và Nguyễn Văn T1 về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Đức giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố các bị cáo Võ Ngọc T và Nguyễn Văn T1 phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Võ Ngọc T từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án:

+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme.

+ Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Tuy Đức trả lại 02 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Suzuki Rai Der R150, màu đen, biển kiểm soát: 47G1-268.37 và xe mô tô biển kiểm soát 47D1-569.42 cho chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và có đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đề cập xử lý.

Các bị cáo không trình bày lời bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 12 giờ ngày 21/9/2023, tại thôn 1, xã Q, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông; Võ Ngọc T và Nguyễn Văn T1 đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối là

xe hết xăng để mượn xe máy của anh Ma Văn K đi mua xăng rồi chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider R150, màu đen, biển kiểm soát 47G1-268.37 của anh Ma Vă K trị giá 16.000.000 đồng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

……"

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Võ Ngọc T và Nguyễn Văn T1 về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 174 của BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; các bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của anh K, đồng thời gây ra tâm lý hoang mang, lo lắng trong cộng đồng dân cư, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an. Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS; HĐXX sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo; Các bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và hiểu rõ hành vi gian dối của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm vì mục đích trục lợi cho bản thân, nên HĐXX xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Trong vụ án này hai bị cáo là người thực hành hành vi chiếm đoạt tài sản của anh K tuy nhiên bị cáo T là người chủ mưu và là người rủ rê lôi kéo bị cáo T1 tham gia chiếm đoạt tài sản của anh K. Vì vậy mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo T1 sẽ thấp hơn bị cáo bị cáo T.

[7] Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đề nghị mức án đối với bị cáo Võ Ngọc T và Nguyễn Văn T1 là phù hợp, cần chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có tài sản gì nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại anh Ma Văn K đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đề cập xử lý.

[10] *Về vật chứng của vụ án:*

[10.1] Đối với 02 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Suzuki Rai Der R150, màu đen, biển kiểm soát: 47G1-268.37 và xe mô tô biển kiểm soát 47D1-569.42 qua điều tra đã chứng minh được là của anh Ma Văn K và của anh Phạm V là chủ sở hữu hợp pháp. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Tuy Đức trả lại hai chiếc xe trên cho chủ sở hữu hợp pháp anh K và anh V là phù hợp cần chấp nhận theo Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10.2] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme của bị cáo Võ Ngọc T và bị cáo Nguyễn Văn T1 dùng làm phương tiện liên lạc với nhau đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt chiếc xe máy của anh K. Vì vậy cần tịch thu sung ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[11] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với chị Lê Thị Hoài T2, khi T1 đến gửi đồ chị T2 không biết việc T1 và T thực hiện hành vi lừa đảo, không có vai trò giúp sức nên không đề cập xử lý.

Đối với anh Phạm V là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Rai Der R150, biển kiểm soát 47D1-569.42 cho Nguyễn Văn T1 mượn xe mục đích để đi về nhà khám nghĩa vụ quân sự không biết việc T1 sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên không đề cập xử lý.

Đối với bà Trang Thị H đã để cho T và T1 cất giấu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Rai Der R150, biển kiểm soát 47G1-268.37 không biết T1 và T lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên, không có vai trò giúp sức nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Ngọc T và Nguyễn Văn T1 phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Ngọc T *(tên gọi khác: D)* 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 22/9/2023.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 *(tên gọi khác: Đ)* 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 22/9/2023.

2.Về vật chứng của vụ án:

2.1 Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Tuy Đức trả lại 02 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Suzuki Rai Der R150, màu đen, biển kiểm soát: 47G1-268.37 và xe mô

tô biển kiểm soát 47D1-569.42 cho anh Ma Văn K và anh Phạm V là chủ sở hữu hợp pháp.

2.2 Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme.

(Đặc điểm vật chứng đã chuyển theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/11/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức).

3.Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Võ Ngọc T và Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Phòng PV 06 và PC 10 CA tỉnh Đắk Nông;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Bị cáo; bị hại; người có qlnvlq;
- Bộ phận THA Hình sự;
- Lưu HS, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký và đóng dấu

Phạm Văn Phiếm